

河內市，2024 年 10 月 04 日

議定

修改、補充政府於 2018/1/23 詳細規定邊境貿易活動之第 14/2018/NĐ-CP 號議定之若干條款

根據 2015 年 6 月 19 日《政府組織法》；2019 年 11 月 22 日修改、補充《政府組織法》及《地方政府組織法》若干條款的法典；

根據 2017 年 6 月 12 日《對外貿易管理法》；

依工商部部長的建議；

政府頒布修改、補充政府於 2018/1/23 詳細規定邊境貿易活動之第 14/2018/NĐ-CP 號議定之若干條款之議定。

第一條：修改、補充政府於 2018/1/23 詳細規定邊境貿易活動之第 14/2018/NĐ-CP 號議定之若干條款

1. 對第 3 條第 3 款修改、補充如下：

「3. 屬於本議定適用對象的邊境居民是指常住地址的社、坊、市鎮或同等行政單位的行政邊界部分與國家陸地邊界重合的越南公民。」

2. 對第 4 條第 2 款修改、補充如下：

「2. 付款方式

a) 透過銀行付款；

b) 出口貨物和服務與進口貨物和服務之間的清算付款（差額透過銀行支付）；

c) 現金支付僅適用於邊境居民的物品購銷、交換活動。

3. 在第 4 條新增第 4a 款如下：

「第 4a 款：邊境貿易活動中的貨物標準

貿易商和邊境居民跨境購銷和交換活動中的貨物必須完全符合進口國法律規定的標準、品質、可追溯性及其他條件。」

4. 對第 16 條第 1 款、第 2 款修改、補充如下：

「1. 在邊境地區登記居住的越南商人和公民。

2. 有共同邊界國家國籍並依越南社會主義共和國為成員的國際條例和《由第 51/2019/QH14 號法典和第 23/2023/QH15 號法典修改、補充若干條款之第 47/2014/QH13 號外國人在越南入境、出境、過境及居住法》持有仍有效的護照或其他代替護照和簽證的文件（免辦簽證情況除外）之商人、公民；在共同邊界國家有經營登記並依共同邊界國家的法律規定獲得經營登記證的商人、經營戶、個人。」

5. 對第 21 條第 1 款、第 3 款修改、補充如下：

a) 對第 1 條修改、補充如下：

「1. 貨物所有人或其授權人、車輛所有人、貨物運輸車輛駕駛人以及車、船、船上的服務人員為越南公民的，將根據越南社會主義共和國為成員的國際條例和《由第 23/2023/QH15 號法典修改、補充若干條款之第 49/2019/QH14 號外國人在越南入境、出境、過境及居住法》執行。

對於車輛駕駛人，除上述規定的文件外，還必須持有與所駕駛車輛類型相適應的車輛駕駛執照。」

b) 對第 3 條修改如下：

「3. 越南的車輛、貨物運輸車輛駕駛人和經營主體可以通過本議定規定的邊境口岸和邊境點進出共同邊界國家的邊境市場，必須在邊境口岸和邊境點接受專門管理力量的檢查和控制。」

6. 對第 22 條第 1 款、第 3 款修改、補充如下：

a) 對第 1 條修改、補充如下：

「1. 貨物所有人或其授權人、車輛所有人、貨物運輸車輛駕駛人以及車、船、船上的服務人員為外國人的，將根據越南社會主義共和國為成員的國際條例和《由第 51/2019/QH14 號法典和第 23/2023/QH15 號法典修改、補充若干條款之第 47/2014/QH13 號外國人在越南入境、出境、過境及居住法》執行。」

b) 對第 3 條修改如下：

「3. 共同邊界國家的車輛和公民是共同邊界國家的貨物運輸車輛駕駛人和經營主體，在進出邊境市場、口岸市場和越南經濟區口岸市場以運輸貨物時，必須在口岸接受專門國家管理機關的檢查、控制和檢疫。」

7. 第 24 條第 2 款修改、補充如下：

「2. 財政部主持並與相關部門、邊境省份人委會：

a) 指引實施稅費、費用、規費的政策；

b) 執行出口、進口和過境貨物；出境、入境和過境的運輸工具的海關手續、檢查、監察和控制。」

第二條：實施條款

1. 本議定自 2024 年 12 月 1 日起生效。

2. 2029 年內，財政部報請政府研究決定調整邊境居民通過購銷、交換貨物形式進口貨物的免稅數量及免稅金額。

3. 自 2029 年 1 月 1 日起，進行跨境貨物購銷、交換時，邊境居民必須到場辦理進出口手續。

4. 自 2030 年 1 月 1 日起，貨物只能在以下地點辦理進出口手續：國際口岸；主要邊境口岸（雙邊口岸）；二級邊境口岸；通關路線、國際口岸貨物運輸專用道路、主要口岸（雙邊口岸）；已依現行法律規定完成關口和邊境口岸開放及升級程序，並達成允許出口、進口和貨物交換的雙邊協議的邊境開放地區。

5. 部長、部級機關首長、政府直屬機關首長、中央直轄省、市人委會主席以及相關機構、個人負責執行本議定。

收件處：

- 黨中央書記委員會；
- 政府各副總理；
- 各部門、部級機關、政府直屬機關；
- 中央直轄省、市人民議會、人委會；
- 黨中央辦公室和各部門；
- 總書記辦公室；
- 國家主席辦公室；
- 民族議會和國會各委會；
- 國會辦公室；
- 人民最高法院；
- 人民最高檢察院；
- 國家審計；
- 國家金融監督委員會；
- 社會政策銀行；
- 越南發展銀行；
- 越南祖國陣線中央委員會；
- 各團體中央機關；
- 企業創新與發展指導委員會；

代表政府

總理

(已簽名蓋章)

范明正



23 Ni Su Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱線: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

- 越南工商聯合會；
- 越南中小型企業協會；
- 政府辦公室：部長兼主任、各副主任、總理助理、電子資訊網站總經理、各務、局、直屬單位、公報；
- 存檔：文書、KTTH (2b)

~ 恒利翻譯，謹供參考~



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 122/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 14/2018/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Cư dân biên giới thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này là công dân Việt Nam có nơi thường trú tại xã, phường, thị trấn hoặc đơn vị hành chính tương đương có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Phương thức thanh toán

a) Thanh toán qua ngân hàng;

b) Thanh toán bù trừ giữa hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu với hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu (phần chênh lệch thanh toán qua ngân hàng);

c) Thanh toán bằng tiền mặt chỉ áp dụng đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.”

3. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

“Điều 4a. Tiêu chuẩn hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới

Hàng hóa trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân, cư dân biên giới phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, chất lượng, quy định về truy xuất nguồn gốc và các điều kiện khác theo quy định pháp luật của nước nhập khẩu.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16 như sau:

“1. Thương nhân, công dân mang quốc tịch Việt Nam đã đăng ký cư trú tại khu vực biên giới.

2. Thương nhân, công dân mang quốc tịch của nước có chung đường biên giới, có Hộ chiếu hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu và thị thực, trừ trường hợp được miễn thị thực, còn giá trị sử dụng theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15; thương nhân, hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh của nước có chung đường biên giới đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật của nước có chung đường biên giới.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 của Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền là công dân Việt Nam thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 23/2023/QH15.

Riêng người điều khiển phương tiện, ngoài giấy tờ quy định nêu trên còn phải có giấy phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện điều khiển.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của Việt Nam được đi qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Nghị định này để ra hoặc vào chợ biên giới của nước có chung đường biên giới, phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền là người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu biên giới thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số

47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phương tiện và công dân của nước có chung đường biên giới là người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của nước có chung đường biên giới khi ra, vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam để vận chuyển hàng hóa phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát, kiểm dịch của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau:

“2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới:

a) Hướng dẫn thực hiện chính sách thuế, phí và lệ phí;

b) Thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2. Trong năm 2029, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh số lần được miễn thuế và số tiền được miễn thuế cho nhập khẩu hàng hoá theo hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

3. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029, khi thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới, cư dân biên giới phải có mặt để làm thủ tục xuất nhập khẩu.

4. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2030, hàng hoá chỉ được làm thủ tục xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu quốc tế; cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); cửa khẩu phụ; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); lối mở biên giới đã hoàn thành trình tự mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới, lối mở biên giới theo quy định pháp luật hiện hành và đã đạt thỏa thuận song phương về cho phép xuất khẩu, nhập khẩu, trao đổi hàng hóa.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

Phạm Minh Chính